

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 4 năm 2024
V/v: “Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hòa và ông Trần Văn Thành.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Khánh Linh - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê - tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị P, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Khu T, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu T, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Chị P có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh H vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Tại đơn khởi kiện ngày 28/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị P trình bày: Chị và anh Nguyễn Hữu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/11/2008 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung

sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không bảo ban được nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Từ năm 2021 cho đến nay, vợ chồng anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xác định tình cảm không còn nên chị P làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 03 con chung là Nguyễn Thị Diệu H1 sinh ngày 10/6/2009, Nguyễn Thị Bảo H2, sinh ngày 30/9/2017 và Nguyễn Hữu H3, sinh ngày 21/11/2019. Hiện nay cả 03 con chung đang sống cùng anh H và mẹ đẻ của anh H. Do anh H nói với chị có nguyện vọng xin được nuôi cả 03 con chung nên khi ly hôn chị nhất trí giao cả 03 con chung cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đ/01 con chung/01 tháng x 03 con chung là 4.500.000đ/03 con chung/ 01 tháng.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị P không yêu cầu giải quyết.

2, *P1 bị đơn anh Nguyễn Hữu H*: Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã gửi giấy báo làm việc nhiều lần nhưng anh H đều vắng mặt.

3, *Nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Diệu H1*: Tại bản tự khai ngày 12/3/2024, cháu Nguyễn Thị Diệu H1 đề nghị nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu là xin được ở với bố.

4, *Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/3/2024 bà Hoàng Thị T (mẹ đẻ anh H) trình bày*: Từ năm 2020, khi vợ chồng chị P, anh H mâu thuẫn thì chị P đi làm ăn, cả 03 con chung của vợ chồng anh chị ở cùng với anh H và bà, bà luôn giúp đỡ anh H trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các con của anh chị. Trường hợp anh H chị P ly hôn, bà T đề nghị Tòa án giao cả 03 con chung của anh chị cho anh H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà T cam kết sẽ giúp đỡ anh H trong việc chăm sóc các cháu. Mặt khác, các cháu đang ổn định chỗ ăn, ở, học tập nên đề nghị Tòa án giao cả 03 con chung cho anh H nuôi dưỡng, việc chị P có cấp dưỡng nuôi con như thế nào bà T cũng nhất trí. Bà T cam kết sẽ giúp đỡ anh H trong việc chăm sóc các cháu.

5, *Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã Tam Sơn ngày 12/3/2024 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp*: Từ năm 2020 khi chị P đi ra ngoài làm ăn thì 03 con chung của vợ chồng anh chị ở cùng với mẹ đẻ của anh H và anh H, được mẹ con anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị P vẫn đi về thăm con, các cháu được chăm sóc và ăn học đầy đủ, bà Hoàng Thị T (mẹ đẻ của anh H) còn khỏe mạnh, có thời gian nên luôn giúp anh H trong việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung của anh chị. Trường hợp anh H, chị P ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề con chung theo quy định của pháp luật. Hiện nay, anh H làm lao động tự do có thu nhập để nuôi con, còn chị P cũng làm lao động tự do, vẫn gửi tiền về để nuôi con.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì, bị đơn vi phạm về nghĩa vụ quy định tại khoản 15, 16 Điều 70; Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị P được ly hôn anh Nguyễn Hữu H.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Thị Diệu H1 sinh ngày 10/6/2009, Nguyễn Thị Bảo H2, sinh ngày 30/9/2017 và Nguyễn Hữu H3, sinh ngày 21/11/2019 cho anh Nguyễn Hữu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d ng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Phan Thị P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đ/ 01 con chung/01 tháng x 03 con chung là 4.500.000đ/ 03 con chung/ 01 tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 04 năm 2024 đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng. Chị P có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị P không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Phan Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh H có hộ khẩu thường trú tại Khu T, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm

a, khoản 1, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị P có đơn xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Phía anh Hùng T1 án đã gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, T1 án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị P và anh H là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 23/11/2008 nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt, chị P cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không bao ban được nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Từ năm 2021 cho đến nay, vợ chồng anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xác định tình cảm không còn nên chị P làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Phía anh Hùng T2 án đã báo gọi nhiều lần, anh H biết rõ việc Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa chị P và anh nhưng anh không đến Tòa án làm việc để thể hiện quan điểm của mình. bà Hoàng Thị T (mẹ đẻ anh H) và chính quyền địa phương đều xác nhận từ năm 2020, khi vợ chồng chị P, anh H mâu thuẫn thì chị P ra ngoài đi làm ăn riêng. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị P và anh H đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai bên, làm cho anh chị sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình yêu thương. Vì vậy cần xử cho chị P được ly hôn anh H là phù hợp với khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị P và anh H có 03 con chung là Nguyễn Thị Diệu H1 sinh ngày 10/6/2009, Nguyễn Thị Bảo H2, sinh ngày 30/9/2017 và Nguyễn Hữu H3, sinh ngày 21/11/2019. Hiện nay cả 03 con chung đang ở cùng anh H và mẹ đẻ của anh H. Khi ly hôn chị P nhất trí giao cả 03 con chung cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì hiện tại 03 con chung của anh H và chị P đang ở cùng anh H và mẹ đẻ anh H, được chăm sóc, nuôi dưỡng, ăn học đầy đủ. Do vậy, để ổn định chỗ ăn ở học tập của con chung cần giao cả 03 con chung cho anh H4 được chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H là 1.500.000đ/ 01 con chung/01 tháng x 03 con chung là 4.500.000đ/ 03 con chung/ 01 tháng là phù hợp cần chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị P không yêu

cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị P được ly hôn anh Nguyễn Hữu H.

[2]. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Thị Diệu H1 sinh ngày 10/6/2009, Nguyễn Thị Bảo H2, sinh ngày 30/9/2017 và Nguyễn Hữu H3, sinh ngày 21/11/2019 cho anh Nguyễn Hữu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Phan Thị P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đ/ 01 con chung/01 tháng x 03 con chung là 4.500.000đ/ 03 con chung/ 01 tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 04 năm 2024 đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng. Chị P có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Phan Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Xác nhận chị P đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004772 ngày 02/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Chị P còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã T;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thu H5

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 30 tháng 5 năm 2023.

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu H5

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành M và bà Đỗ Thị Thu H6.

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 164/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” giữa:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Ngọc A, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Khu E, xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Khu P, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Chị A có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh Đ vắng mặt lần 2 không có lý do).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật:

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến nhất trí.

2. Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Ngọc A được ly hôn anh Hoàng Văn Đ.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến nhất trí.

2.2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Hoàng Diệu L, sinh ngày 29/9/2019 cho anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Đ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/ 01 tháng, kể từ tháng 6/2023 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng. Chị A được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến nhất trí.

2.3. Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến nhất trí.

2.3. Về án phí: Chị Đinh Thị Ngọc A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo định kỳ. Xác nhận chị A đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo

biên lai số AA/2020/0008179 ngày 11/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Chị A còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày tháng năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Thu H5

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã C;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thu H5

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Thu H5

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã T;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thu H5

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Thu H5

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã Tuy Lộc;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

Đinh Thị Thu Huyền